



Công ty Cổ phần Bia - Nước giải khát Sài Gòn - Tây Đô

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho
giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019



Công ty Cổ phần Bia - Nước giải khát Sài Gòn - Tây Đô
Thông tin về Công ty

Giấy chứng nhận

Đăng ký Kinh doanh số

1800641942

ngày 21 tháng 9 năm 2006

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1800641942 ngày 28 tháng 3 năm 2017. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Hồng Xanh
Ông Văn Thanh Liêm
Bà Nguyễn Thị Kim Cúc
Ông Nguyễn Bích Đạt
Bà Trần Lệ Hoa

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Mai Thị Bạch Yến
Bà Trần Thị Loan Anh
Ông Đặng Quang Minh

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Xuân Tộ
Ông Trần Công Toại

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Khu công nghiệp Trà Nóc 1
Quận Bình Thủy
Thành phố Cần Thơ
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Bia - Nước giải khát Sài Gòn - Tây Đô
Báo cáo của Ban Giám đốc


Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia - Nước giải khát Sài Gòn - Tây Đô (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 33 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.


Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc


Trần Xuân Tộ
Tổng Giám đốc



Thay mặt Hội đồng Quản trị


Lê Hồng Xanh
Chủ tịch

Thành phố Cần Thơ, ngày 2 tháng 8 năm 2019



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông

Công ty Cổ phần Bia - Nước giải khát Sài Gòn - Tây Đô

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Bia - Nước giải khát Sài Gòn - Tây Đô (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 2 tháng 8 năm 2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 33.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia - Nước giải khát Sài Gòn - Tây Đô tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Các báo cáo tài chính của Công ty cho năm và giai đoạn sáu tháng kết thúc lần lượt ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 30 tháng 6 năm 2018 tương ứng được kiểm toán và soát xét bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần và kết luận chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính này trong báo cáo kiểm toán ngày 19 tháng 1 năm 2019 và báo cáo soát xét ngày 13 tháng 7 năm 2018.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh



Báo cáo soát xét số: 19-01-00270-19-1

Hà Vũ Đình

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0414-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 2 tháng 8 năm 2019

Công ty Cổ phần Bia - Nước giải khát Sài Gòn - Tây Đô
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		174.230.443.754	150.946.705.429
Tiền	110	6	2.188.907.896	10.666.557.885
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		116.625.364.000	56.884.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7(a)	116.625.364.000	56.884.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		16.269.376.093	38.410.779.852
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	9.993.501.654	29.342.276.022
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.579.182.645	4.953.911.032
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	4.696.691.794	4.114.592.798
Hàng tồn kho	140	10	37.433.903.844	43.025.099.819
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.712.891.921	1.960.267.873
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.712.891.921	385.201.228
Thuế phải thu Nhà nước	153	15(b)	-	1.575.066.645
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		227.909.903.799	239.109.143.130
Tài sản cố định	220		214.935.668.603	223.408.952.381
Tài sản cố định hữu hình	221	11	214.935.668.603	223.408.952.381
Nguyên giá	222		518.395.281.535	507.523.640.616
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(303.459.612.932)	(284.114.688.235)
Tài sản dở dang dài hạn	240		64.674.587	345.225.405
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	64.674.587	345.225.405
Đầu tư tài chính dài hạn	250		5.000.000.000	5.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	7(b)	5.000.000.000	5.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		7.909.560.609	10.354.965.344
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	7.874.230.609	10.319.635.344
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		35.330.000	35.330.000
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		402.140.347.553	390.055.848.559

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia - Nước giải khát Sài Gòn - Tây Đô
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01a - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		105.502.398.677	91.589.940.967
Nợ ngắn hạn	310		105.502.398.677	91.589.940.967
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	8.228.128.183	15.765.489.584
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		247.598.250	250.066.148
Thuế phải nộp Nhà nước	313	15(a)	51.181.380.139	56.400.453.769
Phải trả người lao động	314		5.401.547.256	8.252.789.304
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.462.405.226	939.877.200
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	3.238.335.803	1.547.477.164
Vay ngắn hạn	320	17	28.352.905.063	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	18	7.390.098.757	8.433.787.798
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		296.637.948.876	298.465.907.592
Vốn chủ sở hữu	410	19	296.637.948.876	298.465.907.592
Vốn cổ phần	411	20	200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		21.938.000.000	21.938.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	22	41.451.256.847	41.451.256.847
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		33.248.692.029	35.076.650.745
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		9.076.650.745	16.018.764.518
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		24.172.041.284	19.057.886.227
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		402.140.347.553	390.055.848.559

Ngày 2 tháng 8 năm 2019

Người lập:



Trần Thanh Phương
Kế toán Tổng hợp

Người kiểm tra:



Phan Duy Linh
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Trần Xuân Tộ
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia - Nước giải khát Sài Gòn - Tây Đô
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 02a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	274.629.479.566	221.411.327.823
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	232.622.861.589	184.155.301.108
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		42.006.617.977	37.256.026.715
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	4.309.076.520	4.228.223.566
Chi phí tài chính	22		528.194.395	1.397.185.808
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		522.333.186	1.397.185.808
Chi phí bán hàng	25		959.643.370	2.425.825.338
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	10.488.907.969	8.988.449.669
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		34.338.948.763	28.672.789.466
Thu nhập khác	31		58.976.280	408.209.585
Chi phí khác	32		1.413.107	245.524.942
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		57.563.173	162.684.643
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		34.396.511.936	28.835.474.109
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	6.096.889.219	4.198.550.669
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	29	-	-
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		28.299.622.717	24.636.923.440
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	1.236	1.004

Ngày 2 tháng 8 năm 2019

Người lập:



Trần Thanh Phương
Kế toán Tổng hợp

Người kiểm tra:



Phan Duy Linh
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Trần Xuân Tộ
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia - Nước giải khát Sài Gòn - Tây Đô
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		34.396.511.936	28.835.474.109
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao	02		19.344.924.697	19.100.227.316
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(4.309.076.520)	(4.264.180.386)
Chi phí lãi vay	06		522.333.186	1.397.185.808
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		49.954.693.299	45.068.706.847
Biến động các khoản phải thu	09		25.237.326.618	8.000.325.921
Biến động hàng tồn kho	10		5.591.195.975	(4.994.986.655)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(17.426.888.728)	(18.491.062.324)
Biến động chi phí trả trước	12		1.117.714.042	(1.897.444.324)
			64.474.041.206	27.685.539.465
Tiền lãi vay đã trả	14		(522.333.186)	(1.435.630.952)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.270.052.176)	(4.814.688.116)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(4.620.926.283)	(6.279.704.726)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		57.060.729.561	15.155.515.671
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21		(10.871.640.919)	(2.032.689.961)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		-	45.454.545
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23		(106.625.364.000)	(79.484.000.000)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24		46.884.000.000	13.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		2.788.220.306	3.083.007.225
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(67.824.784.613)	(65.388.228.191)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bìa - Nước giải khát Sài Gòn - Tây Đô
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay ngắn hạn	33		205.199.061.338	247.265.142.177
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(176.846.156.275)	(273.437.725.067)
Tiền chi trả cổ tức	36		(26.066.500.000)	(50.005.491.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		2.286.405.063	(76.178.073.890)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(8.477.649.989)	(126.410.786.410)
Tiền đầu kỳ	60		10.666.557.885	129.428.916.812
Tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	6	2.188.907.896	3.018.130.402

Ngày 2 tháng 8 năm 2019

Người lập:



Trần Thanh Phương
Kế toán Tổng hợp

Người kiểm tra:



Phan Duy Linh
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Trần Xuân Tộ
Tổng Giám đốc



Công ty Cổ phần Bia - Nước giải khát Sài Gòn - Tây Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia - Nước giải khát Sài Gòn - Tây Đô (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, rượu, nước giải khát có ga và không có ga, sữa đậu nành và nước trái cây các loại; cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và kho bãi; cung cấp dịch vụ du lịchữ hành nội địa.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty có 130 nhân viên (1/1/2019: 131 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Công ty Cổ phần Bia - Nước giải khát Sài Gòn - Tây Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn và được ghi nhận theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Bia - Nước giải khát Sài Gòn - Tây Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi chi phí dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Bia - Nước giải khát Sài Gòn - Tây Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	8 – 15 năm
▪ máy móc và thiết bị	7 – 12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 12 năm
▪ thiết bị quản lý	3 – 8 năm

(g) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(h) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, kết sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iii) Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 15 năm.

(i) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Bia - Nước giải khát Sài Gòn - Tây Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Bia - Nước giải khát Sài Gòn - Tây Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ hoàn thành được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Công ty Cổ phần Bia - Nước giải khát Sài Gòn - Tây Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(p) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng, quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và kho bãi; cung cấp dịch vụ du lịch lữ hành nội địa. Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng lĩnh vực hoạt động này thường không bị ảnh hưởng trọng yếu bởi tính thời vụ.

5. Báo cáo bộ phận

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và kho bãi; cung cấp dịch vụ du lịch lữ hành nội địa. Trong kỳ, hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và ngày 1 tháng 1 năm 2019 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 và ngày 30 tháng 6 năm 2018 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

Công ty Cổ phần Bia - Nước giải khát Sài Gòn - Tây Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. Tiền

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Tiền mặt	835.741.522	312.542.281
Tiền gửi ngân hàng	1.353.166.374	10.354.015.604
	<hr/>	<hr/>
	2.188.907.896	10.666.557.885
	<hr/>	<hr/>

7. Các khoản đầu tư

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên 3 tháng nhưng dưới 12 tháng kể từ ngày gửi. Tiền gửi có kỳ hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất 7,5% một năm (1/1/2019: 6,9% một năm).

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên công ty	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	30/6/2019 và 1/1/2019		
			Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Kiên Giang	500.000	4,3%	5.000.000.000	(*)	-

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Bia - Nước giải khát Sài Gòn - Tây Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn	9.613.731.754	28.504.068.582
Các khách hàng khác	379.769.900	838.207.440
	9.993.501.654	29.342.276.022
	9.993.501.654	29.342.276.022

(b) Phải thu của khách hàng là một bên liên quan

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Bên liên quan khác		
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn	9.613.731.754	28.504.068.582
	9.613.731.754	28.504.068.582
	9.613.731.754	28.504.068.582

Khoản phải thu từ bên liên quan khác không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

9. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Phải thu lãi tiền gửi	4.104.306.862	2.583.450.648
Tạm ứng cho nhân viên	564.584.932	382.296.222
Phải thu khác	27.800.000	1.148.845.928
	4.696.691.794	4.114.592.798
	4.696.691.794	4.114.592.798

Công ty Cổ phần Bia - Nước giải khát Sài Gòn - Tây Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Hàng tồn kho

	30/6/2019		1/1/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	15.239.079.843	-	18.337.581.873	-
Công cụ và dụng cụ	1.639.546.610	-	984.456.088	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	17.251.375.655	-	15.830.408.819	-
Thành phẩm	3.146.599.065	-	7.872.653.039	-
Hàng hóa	157.302.671	-	-	-
	37.433.903.844	-	43.025.099.819	-

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 có 37.434 triệu VND hàng tồn kho (1/1/2019: 43.025 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 17).

Công ty Cổ phần Bia - Nước giải khát Sài Gòn - Tây Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	44.456.049.316	454.924.541.035	7.878.596.832	264.453.433	507.523.640.616
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	10.871.640.919	-	-	10.871.640.919
Phân loại lại	16.502.873.213	(16.502.873.213)	-	-	-
Số dư cuối kỳ	60.958.922.529	449.293.308.741	7.878.596.832	264.453.433	518.395.281.535
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	34.851.818.561	245.220.401.020	3.787.730.247	254.738.407	284.114.688.235
Khấu hao trong kỳ	2.087.459.604	16.901.384.479	353.794.902	2.285.712	19.344.924.697
Phân loại lại	1.954.759.485	(1.954.759.485)	-	-	-
Số dư cuối kỳ	38.894.037.650	260.167.026.014	4.141.525.149	257.024.119	303.459.612.932

Giá trị còn lại

Số dư đầu kỳ	9.604.230.755	209.704.140.015	4.090.866.585	9.715.026	223.408.952.381
Số dư cuối kỳ	22.064.884.879	189.126.282.727	3.737.071.683	7.429.314	214.935.668.603

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 có các tài sản có nguyên giá 2.956 triệu VND (1/1/2019: 2.956 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 214.936 triệu VND (1/1/2019: 223.409 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 17).

Công ty Cổ phần Bia - Nước giải khát Sài Gòn - Tây Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Số dư đầu kỳ	345.225.405	142.674.587
Tăng trong kỳ	10.591.090.101	1.584.189.961
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(10.871.640.919)	(1.552.510.000)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(78.000.000)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	64.674.587	96.354.548

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Bao bì luân chuyển VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tiền thuê đất trả trước VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	7.137.651.258	1.942.359.878	1.239.624.208	10.319.635.344
Tăng trong kỳ	-	294.439.409	-	294.439.409
Phân bổ trong kỳ	(1.748.211.599)	(785.028.509)	(206.604.036)	(2.739.844.144)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	5.389.439.659	1.451.770.778	1.033.020.172	7.874.230.609

14. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ	
	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn	6.311.154.610	12.730.293.183
Các nhà cung cấp khác	1.916.973.573	3.035.196.401
	<hr/>	<hr/>
	8.228.128.183	15.765.489.584

Công ty Cổ phần Bia - Nước giải khát Sài Gòn - Tây Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả người bán là bên liên quan

	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ	
	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Bên liên quan khác		
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn	6.311.154.610	12.730.293.183

Khoản phải trả thương mại cho bên liên quan khác không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

15. Thuế phải nộp/phải thu Nhà nước

(a) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2019 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số cần trừ trong kỳ VND	30/6/2019 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	48.507.209.702	241.004.592.838	(247.059.382.165)	-	42.452.420.375
Thuế giá trị gia tăng	7.747.899.205	51.420.263.523	(32.304.779.795)	(20.445.265.615)	6.418.117.318
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	6.096.889.219	(2.270.052.176)	(1.575.066.645)	2.251.770.398
Thuế thu nhập cá nhân	145.344.862	1.658.719.638	(1.744.992.452)	-	59.072.048
Thuế khác	-	11.203.516	(11.203.516)	-	-
	56.400.453.769	300.191.668.734	(283.390.410.104)	(22.020.332.260)	51.181.380.139

(b) Thuế phải thu Nhà nước

	1/1/2019 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số cần trừ trong kỳ VND	30/6/2019 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.575.066.645	-	(1.575.066.645)	-

Công ty Cổ phần Bia - Nước giải khát Sài Gòn - Tây Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.412.876.860	1.296.655.000
Cổ tức phải trả	-	66.500.000
Phải trả ngắn hạn khác	1.825.458.943	184.322.164
	<hr/>	<hr/>
	3.238.335.803	1.547.477.164

17. Vay ngắn hạn

	1/1/2019	Biến động trong kỳ		30/6/2019
		Giá trị ghi sổ/số có	Tăng	
	khả năng trả nợ	VND	VND	VND
	VND	VND	VND	khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	-	205.199.061.338	(176.846.156.275)	28.352.905.063

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại	Lãi suất	30/6/2019	1/1/2019
	tiền	năm	VND	VND
Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Công Thương Việt Nam (*)	VND	6%	28.352.905.063	-

(*) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 100.000 triệu VND và được bảo đảm bằng hàng tồn kho có giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 là 37.434 triệu VND (1/1/2019: 43.025 triệu VND) (Thuyết minh 10) và tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 là 214.936 triệu VND (1/1/2019: 223.409 triệu VND) (Thuyết minh 11).

Công ty Cổ phần Bia - Nước giải khát Sài Gòn - Tây Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được dùng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	8.433.787.798	6.320.899.408
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	3.421.891.228
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 19)	3.577.237.242	4.547.185.075
Sử dụng trong kỳ	(4.620.926.283)	(6.279.704.726)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	7.390.098.757	8.010.270.985

Công ty Cổ phần Bia - Nước giải khát Sài Gòn - Tây Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	200.000.000.000	21.938.000.000	55.138.821.759	55.753.090.834	332.829.912.593
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	24.636.923.440	24.636.923.440
Điều chỉnh quỹ đầu tư phát triển	-	-	(13.687.564.912)	13.687.564.912	-
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 18)	-	-	-	(3.421.891.228)	(3.421.891.228)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 18)	-	-	-	(4.547.185.075)	(4.547.185.075)
Cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	-	(50.000.000.000)	(50.000.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2018	200.000.000.000	21.938.000.000	41.451.256.847	36.108.502.883	299.497.759.730
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	15.327.896.313	15.327.896.313
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(2.359.748.451)	(2.359.748.451)
Cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	-	(14.000.000.000)	(14.000.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	200.000.000.000	21.938.000.000	41.451.256.847	35.076.650.745	298.465.907.592
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	28.299.622.717	28.299.622.717
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	-	(550.344.191)	(550.344.191)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 18)	-	-	-	(3.577.237.242)	(3.577.237.242)
Cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	-	(26.000.000.000)	(26.000.000.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	200.000.000.000	21.938.000.000	41.451.256.847	33.248.692.029	296.637.948.876

Công ty Cổ phần Bia - Nước giải khát Sài Gòn - Tây Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2019 và 1/1/2019	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	200.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	200.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 và ngày 30 tháng 6 năm 2018.

21. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 30 tháng 3 năm 2019, Đại Hội Đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông là 40.000 triệu VND (tương đương 2.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018, trong đó 14.000 triệu VND đã được ứng trước cho các cổ đông năm 2018 (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018: 50.000 triệu VND, tương đương 2.500 VND/cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2017).

22. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại Hội Đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Bia - Nước giải khát Sài Gòn - Tây Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Trong vòng một năm	334.348.642	334.348.642
Từ hai đến năm năm	501.522.963	668.697.284
	835.871.605	1.003.045.926
	835.871.605	1.003.045.926

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong Bảng cân đối kế toán:

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	7.370.000.000	-
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	-	5.551.630.000
	7.370.000.000	5.551.630.000
	7.370.000.000	5.551.630.000

Công ty Cổ phần Bia - Nước giải khát Sài Gòn - Tây Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	270.885.765.637	219.232.155.686
<i>Doanh thu bán thành phẩm đã bao gồm</i>		
<i>thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	511.890.358.475	421.961.564.655
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	241.004.592.838	202.732.257.080
▪ Cung cấp dịch vụ	104.554.908	174.653.513
▪ Doanh thu khác	3.639.159.021	2.004.518.624
	274.629.479.566	221.411.327.823

25. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	231.646.152.292	183.985.113.538
▪ Giá vốn khác	976.709.297	170.187.570
	232.622.861.589	184.155.301.108

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi	3.309.076.520	2.978.223.566
Cổ tức được chia	1.000.000.000	1.250.000.000
	4.309.076.520	4.228.223.566

Công ty Cổ phần Bia - Nước giải khát Sài Gòn - Tây Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí nhân viên	4.774.878.035	3.671.998.710
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.270.344.058	1.880.140.656
Chi phí khấu hao	506.602.044	571.295.592
Chi phí quản lý khác	2.937.083.832	2.865.014.711
	<hr/>	<hr/>
	10.488.907.969	8.988.449.669

28. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	191.365.161.677	153.541.510.433
Chi phí nhân công và nhân viên	19.098.578.344	16.941.653.089
Chi phí khấu hao	19.344.924.697	19.100.227.316
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.013.979.072	3.655.730.360
Chi phí khác	5.008.306.223	5.200.750.529

Công ty Cổ phần Bia - Nước giải khát Sài Gòn - Tây Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	6.096.889.219	4.137.117.812
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	61.432.857
	6.096.889.219	4.198.550.669

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	34.396.511.936	28.835.474.109
Thuế theo thuế suất của Công ty	5.159.476.790	4.325.321.116
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	1.028.912.429	819.190.590
Chi phí không được khấu trừ thuế	58.500.000	40.461.558
Ưu đãi thuế	-	(860.355.452)
Thu nhập không bị tính thuế	(150.000.000)	(187.500.000)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	61.432.857
	6.096.889.219	4.198.550.669

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế từ dự án đầu tư dây chuyền sản xuất bia công suất 25 triệu lít/năm trong 12 năm tính từ năm hoạt động đầu tiên (2008). Theo các điều khoản trong luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty được miễn thuế thu nhập trong 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ 2009 đến 2011) và giảm 50% thuế thu nhập trong 7 năm tiếp theo (từ 2012 đến 2018).

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với lợi nhuận tính thuế từ các dự án đầu tư mở rộng nâng cao công suất bia và các khoản thu nhập khác. Các khoản thu nhập này sẽ chịu thuế suất thuế thu nhập thông thường là 20%.

Công ty Cổ phần Bia - Nước giải khát Sài Gòn - Tây Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	28.299.622.717	24.636.923.440
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(3.577.237.242)	(4.547.185.075)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	24.722.385.475	20.089.738.365

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 và ngày 30 tháng 6 năm 2018. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai kỳ trình bày là 20.000.000 cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Bia - Nước giải khát Sài Gòn - Tây Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn		
Bán thành phẩm (đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	509.673.253.520	419.024.996.000
Mua nguyên vật liệu	160.793.721.783	125.339.225.371
Bán nguyên vật liệu	989.019.940	-
Chia cổ tức	3.745.950.000	7.203.750.000
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu		
Mua hàng hóa	139.402.520	-
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây		
Mua hàng hóa	54.000.000	-
Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương		
Mua hàng hóa	15.349.091	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Tây		
Bán thành phẩm	8.181.820	17.142.274
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền		
Bán thành phẩm và phế liệu	4.858.636	6.704.545
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn – Sóc Trăng		
Bán thành phẩm	-	5.454.545
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn		
Phí sử dụng vỏ chai	307.830.000	638.100.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Kiên Giang		
Nhận cổ tức	1.000.000.000	1.250.000.000
Nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương, thưởng và thù lao	854.373.934	1.014.185.000

Công ty Cổ phần Bia - Nước giải khát Sài Gòn - Tây Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

32. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018. Số liệu so sánh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 được mang sang từ số liệu trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Ngày 2 tháng 8 năm 2019

Người lập:



Trần Thanh Phương
Kế toán tổng hợp

Người kiểm tra:



Phan Duy Linh
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trần Xuân Tộ
Tổng Giám đốc



